

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

- Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đào Thị Mai Hương.

Các Thẩm phán: Ông Trần Hưng Bính

Ông Nguyễn Văn Trung

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Nhân Đức, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế tham gia phiên tòa: Bà Đoàn Thị Ái Hoa - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế (11 Tôn Đức Thắng, thành phố Huế) xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 49/2018/TLPT-HS ngày 29/3/2018 đối với bị cáo Phạm Phước P và đồng phạm, do có kháng cáo của các bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 10/2018/HSST ngày 12/02/2018 của Tòa án nhân dân thị xã H.

Các bị cáo có kháng cáo:

1. Phạm Phước P (tên gọi khác: B), sinh ngày 20 tháng 10 năm 1983; nơi cư trú: phường T, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế; nghề nghiệp: Đầu bếp; trình độ văn hoá: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm H, sinh năm 1962 và bà Hoàng Thị B, sinh năm 1959; có vợ là chị Nguyễn Thị Thùy N, sinh năm 1984 và 02 con lớn 06 tuổi, nhỏ 03 tuổi; tiền án: Không, tiền sự: Không; bị bắt tạm giam từ ngày 27/02/2017 cho đến ngày 19/4/2017 được thay đổi biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”. Bị cáo tại ngoại. Có mặt.

2. Nguyễn Quang T (tên gọi khác: Q), sinh ngày 02 tháng 01 năm 1985, nơi cư trú: Tổ 02, phường T, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế; nghề nghiệp: thợ xây; trình độ văn hoá: Lớp 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Mượn, sinh năm 1949 và bà Trần Thị V, sinh năm 1952; có vợ là chị Lê Thị L, sinh năm 1990 và có 02 con, lớn 06 tuổi, nhỏ 04 tuổi; tiền án: Không, tiền sự: Không; bị bắt tạm giam từ ngày 27/02/2017 cho đến ngày 05/5/2017 được thay đổi biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”. Bị cáo tại ngoại. Có mặt.

3. Nguyễn Ph (tên gọi khác: Nguyễn Văn Ph), sinh ngày 02 tháng 4 năm 1972; nơi cư trú: Tổ 02, phường T, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế; nghề nghiệp: Làm

nông; trình độ văn hoá: Lớp 1/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn M, sinh năm 1949 và bà Trần Thị V, sinh năm 1952; có vợ là chị Lê Thị B, sinh năm 1973 và 04 con, lớn 20 tuổi và nhỏ 02 tuổi; tiền án: Không, tiền sự: Không; bị bắt tạm giam từ ngày 27/02/2017 cho đến ngày 05/5/2017 được thay đổi biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”. Bị cáo tại ngoại. Có mặt.

4. Phan Ngọc L, sinh ngày 20 tháng 4 năm 1988; nơi cư trú: Tổ 10, phường C, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế; nghề nghiệp: Cắt tóc; trình độ văn hoá: Lớp 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phan Ngọc Bảo, sinh năm 1956 và bà Lê Thị Hà, sinh năm 1960; có vợ là chị Nguyễn Thị Nhung, sinh năm: 1989 và 01 con 06 tuổi; tiền án: Không, tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ ngày 16/02/2017 và tạm giam đến ngày 31/3/2017 được thay đổi biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”. Bị cáo tại ngoại. Có mặt.

5. Lê C (tên gọi khác: Tý), sinh ngày 06 tháng 01 năm 1973; nơi cư trú: Thôn K, xã L, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế nghề nghiệp: Cắt tóc; trình độ văn hoá: Lớp 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê T (chết) và bà Nguyễn Thị H (chết); có vợ là chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1977 và 02 con, lớn 16 tuổi và nhỏ 12 tuổi; tiền án: Không, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 22/6/2012 bị Tòa án nhân dân huyện P xử phạt 5.000.000đ về tội “Đánh bạc” (Bản án số: 26/2012/HSST); bị bắt tạm giữ ngày 16/02/2017 cho đến ngày 25/02/2017 được thay đổi biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”. Bị cáo tại ngoại. Có mặt.

6. Nguyễn Văn Ch (tên gọi khác: Cu L), sinh ngày 10 tháng 01 năm 1989; nơi cư trú: Thôn H, thị trấn P, huyện Ph, tỉnh Thừa Thiên Huế; nghề nghiệp: Đầu bếp; trình độ văn hoá: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn CA, sinh năm 1954 và bà Đỗ Thị H, sinh năm 1956; có vợ là Phạm Thị Nh, con chưa có; tiền án: Không, tiền sự: Không; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”. Bị cáo tại ngoại. Có mặt.

7. Lương Trần Nguyên Đ (tên gọi khác: Nh), sinh ngày 10 tháng 10 năm 1986; nơi cư trú: Tổ 10, phường Ph, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế nghề nghiệp: Lái xe tải; trình độ văn hoá: Lớp 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lương Văn Th, sinh năm 1954 và bà Trần Thị H, sinh năm 1954; có vợ là chị Nguyễn Thị Mộng Ph, sinh năm 1992 và 02 con, lớn 06 tuổi và nhỏ 04 tuổi; tiền án: Không, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 05/9/2007, bị Tòa án nhân dân thành phố Huế xử phạt 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” (Bản án số 133/2007/HSST); bị bắt tạm giữ ngày 16/02/2017 và tạm giam đến ngày 31/3/2017 được thay đổi biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”. Bị cáo tại ngoại. Có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn Ch*: Ông Võ Công Hạnh - Luật sư của Công ty luật TNHH MTV Công Khánh thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Thừa Thiên Huế, có mặt

- *Người bào chữa cho bị cáo Lê C:* Bà Nguyễn Thị Gia Hoàng - Luật sư của Công ty Luật hợp danh Thiên Hà thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Thừa Thiên Huế, có mặt.

- *Các bị cáo không có kháng cáo và không bị kháng cáo, không bị kháng nghị:* Bị cáo Hoàng Mạnh Th, Phan Hữu T, Nguyễn T, Phạm Minh D, Đoàn Văn H, Hoàng Phi L, Trần Quang V, Nguyễn Văn Ng, Nguyễn Văn N, Tôn Thất H, Đào Đức H, Giai Văn C. Đối với bị cáo Võ Quốc Th: Ngày 23 tháng 02 năm 2018, bị cáo Võ Quốc Th có đơn kháng cáo đến ngày 17 tháng 4 năm 2018, bị cáo Th đã có văn bản rút toàn bộ kháng cáo.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 18 giờ ngày 15/02/2017, Phạm Phước P gọi điện cho Nguyễn Quang T để cùng với T rủ vài người chơi xóc đĩa ăn tiền và nói đến nhà T chơi thì T đồng ý. Do người nhà của T không đồng ý nên T đã sang nhà Nguyễn Ph (là anh ruột của T) tại tổ 02, phường T, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế cạnh nhà T để nói cho P và T cùng một số người khác chơi xóc đĩa ăn tiền tại nhà rồi lấy tiền xâu chia nhau thì Ph đồng ý. Sau đó, T đi mua bài; Ch cắt vị và trái chiếu, Ch cũng là người cầm cái từ lúc bắt đầu đến lúc bị công an bắt quả tang một số người đã đến nhà của Ph chơi xóc đĩa. P và T không chơi đánh xóc đĩa mà chỉ cho vay, cầm cố tài sản để lấy tiền lãi và thu tiền xâu chia nhau, đã chuẩn bị được tổng số tiền để cho vay, cầm cố tài sản là 58.040.000 đồng (trong đó của P là 31.040.000 đồng, của T là 27.000.000 đồng). Có tất cả 17 người tham gia đánh bạc, gồm Hoàng Mạnh Th, Phan Ngọc L, Phạm Minh D, Phan Hữu T, Trần Quang V, Nguyễn Văn Ng, Đào Đức H, Tôn Thất H, Nguyễn Văn Ch, Lương Trần Nguyên Đ, Nguyễn T, Giai Văn C, Hoàng Phi L, Võ Quốc Th, Đoàn Văn H, Nguyễn Văn Ng, Lê C.

Hình thức, cách thức đánh xóc đĩa như sau: Lấy lá bài Tú lơ khơ cắt ra thành 04 con vị có hình tròn, có hai mặt trắng, đen. Người làm cái bỏ 04 con vị vào một cái đĩa úp trên một cái chén và xóc. Khi xóc ra 01 mặt đen, 03 mặt trắng hoặc 01 mặt trắng, 03 mặt đen gọi là “lẻ”, ra 02 mặt trắng, 02 mặt đen gọi là “chẵn”, theo đó, người chơi sẽ đặt tiền cược vào các mặt “chẵn”, “lẻ” để tính thắng thua với nhau. Tỷ lệ thắng thua trong một ván bạc là một ăn một; T căn cứ theo từng ván bạc để thu tiền xâu; quá trình đánh bạc, người chơi có thể thay nhau làm cái.

Các bị cáo đã chuẩn bị tiền dùng để đánh bạc như sau: C 4.300.000 đồng; Thắng 1.000.000 đồng; Long 600.000 đồng; Tân 3.500.000 đồng; Huy 400.000 đồng; Tài 4.000.000 đồng (Cầm 01 điện thoại Samsung J7 cho T để lấy tiền đánh bạc); Nguyên 550.000 đồng; Ch 2.000.000 đồng; Thủ 5.000.000 đồng (vay của T để đánh bạc); L 7.500.000 đồng; Ngự 500.000 đồng; Hoạt 800.000 đồng; Dũng 2.000.000 đồng (vay của T để đánh bạc); Hiếu 300.000 đồng; Đ 200.000 đồng; Vệ 550.000 đồng; Cường 240.000 đồng.

Đến 23 giờ ngày 15/02/2017 trong khi các bị cáo nói trên đang đánh bạc thì bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã H, phát hiện bắt quả tang.

Vật chứng cơ quan điều tra thu giữ gồm:

- Tại chiếu bạc số tiền là: 16.808.000 đồng, 01 bộ chén, đĩa làm bằng sứ, 04 con vị được cắt ra từ cây bài Tú lơ khơ, 43 cây bài Tú lơ khơ, 01 chiếc chiếu.

- Thu giữ trong người: Phạm Phước P 21.040.000 đồng; Nguyễn Quang T 150.000 đồng; 01 tờ giấy vay, mượn, cầm cố tài sản do T ký xác nhận, 01 Iphone 5, 01 sợi dây chuyền cầm của Lương Trần Nguyên Đ, 01 nhẫn cầm của Nguyễn Văn Ng; 01 điện thoại hiệu Samsung J7 và 01 xe mô tô BKS 75G1-237.41 của Phan Hữu T; T giao nộp tiền râu đã thu được cho cơ quan điều tra 1.750.000 đồng; Nguyễn Ph 45.000 đồng, 01 xe mô tô BKS 75G1-220.40, 01 xe mô tô BKS 75H8-0659; Nguyễn T 1.000.000 đồng; Nguyễn Văn Ng 01 xe mô tô BKS 75S1-2579; Giai Văn C 190.000 đồng; Hoàng Phi L 500.000 đồng; Đoàn Văn H 800.000 đồng, 01 điện thoại Mobile màu đỏ; Hoàng Mạnh Th 01 xe mô tô BKS 75G1-12238; Phan Ngọc L 7.050.000 đồng; Đào Đức H 01 xe mô tô BKS 75G1-21277 (Xe của Tôn Thất H); Lê C 5.100.000 đồng, 01 xe mô tô BKS 75K1-130.88; Lương Trần Nguyên Đ 3.000.000 đồng; Trần Quang V 3.010.000 đồng, 01 xe mô tô BKS 75G1- 13099; Nguyễn Văn Ng 25.000 đồng; Phạm Thị N 220.000 đồng, 01 xe mô tô BKS 75S1-4902.

Quá trình điều tra, đã xác định: Số tiền thu giữ trong người của bị cáo Phạm Phước P 21.040.000 đồng và Nguyễn Quang T 150.000 đồng là tiền dùng để cho vay, cầm cố tài sản đánh bạc. Số tiền 1.750.000 đồng là tiền râu P và T đã thu được khi đánh bạc. Số tiền thu giữ trong người các bị cáo Nguyễn T 1.000.000 đồng, Giai Văn C 190.000 đồng, Hoàng Phi L 500.000 đồng, Đoàn Văn H 800.000 đồng, Phan Ngọc L 7.050.000 đồng, Lê C 5.100.000 đồng, Nguyễn Văn Ng 25.000 đồng là tiền đã dùng và sẽ được dùng để đánh bạc.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 10/2018/HS-ST ngày 12/02/2018, Tòa án nhân dân thị xã H đã quyết định:

Tuyên bố:

- Các bị cáo Phạm Phước P, Nguyễn Quang T phạm tội “Tổ chức đánh bạc”.

- Bị cáo Nguyễn Ph phạm tội “Gá bạc”.

- Các bị cáo Phan Ngọc L, Lê C, Nguyễn Văn Ch, Lương Trần Nguyên Đ phạm tội “Đánh bạc”.

Áp dụng khoản 1 Điều 249; điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999 đối với các bị cáo Phạm Phước P, Nguyễn Quang T, Nguyễn Ph.

Áp dụng khoản 3 Điều 7 Bộ luật hình sự số 100/2015/QH13 ngày 27/11/2015 của Quốc hội; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội.

Áp dụng khoản 1 Điều 248; các điểm h, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999 đối với các bị cáo Phan Ngọc L và Nguyễn Văn Ch.

Áp dụng khoản 1 Điều 248; điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999 đối với các bị cáo Lê C và Lương Trần Nguyên Đ.

Xử phạt:

- Bị cáo Phạm Phước P 01 năm 02 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành án, nhưng được trừ thời hạn đã bị tạm giam từ ngày 27/02/2017 đến ngày 19/4/2017.

- Bị cáo Nguyễn Quang T 01 năm 01 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành án, nhưng được trừ thời hạn đã bị tạm giam.

- Bị cáo Nguyễn Ph 01 năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành án, nhưng được trừ thời hạn đã bị tạm giam từ ngày 27/2/2017 đến ngày 05/5/2017.

- Bị cáo Phan Ngọc L 09 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành án, nhưng được trừ thời hạn đã bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 16/02/2017 đến ngày 31/3/2017.

- Bị cáo Nguyễn Văn Ch 08 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

- Bị cáo Lê C 06 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành án, nhưng được trừ thời hạn đã bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 16/02/2017 đến ngày 25/02/2017.

- Bị cáo Lương Trần Nguyên Đ 04 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành án, nhưng được trừ thời hạn đã bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 16/02/2017 đến ngày 31/3/2017.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn xử phạt bị cáo Hoàng Mạnh Th, Phan Hữu T, Nguyễn T, Phạm Minh D, Đoàn Văn H, Hoàng Phi L, Trần Quang V, Nguyễn Văn Ng, Nguyễn Văn N, Tôn Thất H, Đào Đức H, Giai Văn C và bị cáo Võ Quốc Th, xử lý vật chứng, tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 20/02/2018, bị cáo Phạm Phước P có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo.

Ngày 20/02/2018, bị cáo Nguyễn Quang T có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo.

Ngày 20/02/2018, bị cáo Nguyễn Ph có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo.

Ngày 12/02/2018, bị cáo Phan Ngọc L có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo.

Ngày 20/02/2018, bị cáo Nguyễn Văn Ch có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo.

Ngày 22/02/2018, bị cáo Lê C có đơn kháng cáo xin được hưởng án treo hoặc cải tạo không giam giữ.

Ngày 21/02/2018, bị cáo Lương Trần Nguyên Đ có đơn kháng cáo xin hưởng hình phạt nhẹ hơn hình phạt tù.

Tại phiên tòa phúc thẩm đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế có quan điểm như sau:

- Đối với bị cáo Phạm Phước P: Có ông bà ngoại bị cáo là ông Huỳnh V và bà Trần Thị Ngh là người có công với cách mạng được tặng thưởng Huân, Huy chương nhưng Tòa án cấp sơ thẩm chưa áp dụng, vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét áp dụng thêm khoản 2, Điều 46 của Bộ luật hình sự năm 1999 cho bị cáo. Bị cáo P không đủ điều kiện để được hưởng án treo, tuy nhiên cần xem xét giảm cho bị cáo P 02 tháng tù, xử phạt bị cáo P 01 năm tù về tội “Tổ chức đánh bạc”

- Đối với bị cáo Nguyễn Quang T: Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo T 01 năm 01 tháng tù là phù hợp, do vậy đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị cáo T, giữ nguyên bản án sơ thẩm đối với bị cáo T.

- Đối với bị cáo Nguyễn Ph: Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Ph trình bày là bị cáo bị bệnh xơ gan đang điều trị ngoại trú, nên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét áp dụng thêm khoản 2, Điều 46; Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 1999 để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, giảm cho bị cáo 02 tháng, xử phạt bị cáo 10 tháng tù.

- Đối với bị cáo Phan Ngọc L: Bị cáo L có đơn trình bày hoàn cảnh khó khăn, là lao động chính, đang nuôi con nhỏ nên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm cần áp dụng thêm khoản 2, Điều 46 của Bộ luật hình sự năm 1999. Bị cáo L có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng nên đủ điều kiện để áp dụng Điều 60 Bộ luật hình sự năm 1999, vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo L, giữ nguyên mức hình phạt, sửa bản án sơ thẩm về biện pháp chấp hành hình phạt, xử phạt bị cáo L 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 tháng.

- Đối với bị cáo Nguyễn Văn Ch: Bị cáo Ch có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, đủ điều kiện để áp dụng Điều 60 Bộ luật hình sự năm 1999 nên chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Ch, giữ nguyên mức hình phạt, sửa bản án sơ thẩm về biện pháp chấp hành hình phạt, xử phạt bị cáo Ch 08 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 16 tháng.

- Đối với bị cáo Lê C: Bị cáo đang bị bệnh tâm thần do sử dụng chất gây ảo giác nên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét áp dụng thêm khoản 2, Điều 46 của Bộ luật hình sự năm 1999 để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, giảm cho bị cáo C 02 tháng, xử phạt bị cáo Lê C 04 tháng tù.

- Đối với bị cáo Lương Trần Nguyên Đ: Bị cáo tham gia đánh bạc với số tiền ít nhất (200.000 đồng), bị cáo có ông ngoại là Liệt sĩ nên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét áp dụng thêm khoản 2, Điều 46 của Bộ luật hình sự năm 1999. Bị cáo Đ đã bị Tòa án kết án 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo vào năm 2007, đến nay đã được xóa án tích; bị cáo có thu nhập ổn định nên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét chuyển từ hình phạt tù sang hình phạt tiền là hình phạt chính với mức 10.000.000 đồng đối với bị cáo Đ cũng đủ giáo dục răn đe, phòng ngừa.

Người bào chữa cho bị cáo Ch trình bày quan điểm bào chữa: Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo Ch 08 tháng tù là nặng; bị cáo có quá trình nhân tốt, có nơi cư trú

rõ ràng, vợ bị cáo đang mang thai, bị cáo là lao động chính, vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo Ch được hưởng án treo, thời gian thử thách là 12 tháng.

Người bào chữa cho bị cáo C trình bày quan điểm bào chữa: Mức hình phạt tù mà Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng đối với bị cáo C là quá nghiêm khắc, bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, đang nuôi 02 con nhỏ, vợ bị cáo bỏ nhà đi, bị cáo đang bị bệnh tâm thần, vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo C được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định như sau:

[1] Khoảng 20 giờ ngày 15/02/2017, bị cáo Phạm Phước P cùng Nguyễn Quang T đã có hành vi chuẩn bị các công cụ để phục vụ cho việc đánh bạc rồi rủ rê, lôi kéo, tổ chức cho 17 người đánh bạc dưới hình thức chơi xóc đĩa được, thua bằng tiền. Bị cáo P và T đã liên hệ với bị cáo Nguyễn Ph mượn nhà bị cáo Ph tại Tổ 2, phường T, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế để làm địa điểm đánh bạc nhằm mục đích thu tiền xấu. Đến 23 giờ ngày 15/02/2017, trong khi các bị cáo Phan Ngọc L, Hoàng Mạnh T, Phan Hữu T, Lê C, Nguyễn T, Nguyễn Văn Ch, Phạm Minh D, Võ Quốc Th, Đoàn Văn H, Hoàng Phi L, Trần Quang V, Nguyễn Văn Ngn, Nguyễn Văn N, Tôn Thất H, Đào Đức H, Lương Trần Nguyên Đ, Giai Văn C đang đánh bạc thì bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã H bắt quả tang. Thu tại chiếu bạc số tiền 16.808.000 đồng, thu trên người các bị cáo số tiền 38.855.000 đồng. Số tiền thu giữ trong người của bị cáo Phạm Phước P 21.040.000 đồng và Nguyễn Quang T 150.000 đồng là tiền dùng để cho vay, cầm cố tài sản đánh bạc; số tiền P, T và Ph thu lợi bất chính là 1.750.000 đồng (tiền xấu).

[2] Với hành vi nêu trên, Tòa án nhân dân thị xã H đã kết tội bị cáo Phạm Phước P và bị cáo Nguyễn Quang T về tội “Tổ chức đánh bạc”. Bị cáo Nguyễn Ph phạm về tội “Gá bạc”. Các bị cáo Phan Ngọc L, Lê C, Nguyễn Văn Ch, Lương Trần Nguyên Đ về tội “Đánh bạc” là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Xét kháng cáo của các bị cáo, thấy rằng: Các bị cáo đều là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi đánh bạc, tổ chức đánh bạc hoặc gá bạc được thua bằng tiền là vi phạm pháp luật nhưng vì háms lợi, bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội, đã xâm phạm trật tự công cộng, làm ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an tại địa phương, nên cần phải xử lý thích đáng mới đảm bảo tác dụng giáo dục răn đe và phòng ngừa chung.

[3.1] Đối với bị cáo Phạm Phước P: Bị cáo P là người đã khởi xướng, rủ rê, lôi kéo các bị cáo khác tham gia đánh bạc và đã chuẩn bị số tiền 31.040.000 đồng cho các bị cáo khác vay mượn để tham gia đánh bạc và thu lợi bất chính. Như vậy, trong vụ án này bị cáo P là chủ mưu, cầm đầu nên cần phải xử lý thích đáng mới đảm bảo tác dụng giáo dục răn đe và phòng ngừa chung. Tòa án cấp sơ thẩm đã xử phạt bị cáo P 01 năm 02 tháng tù là phù hợp, tương xứng với tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo và đã xem xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, cũng như đặc điểm nhân thân của bị cáo. Do bị cáo P là chủ mưu, cầm đầu trong vụ án nên không đủ

điều kiện để được hưởng án treo quy định tại khoản 1, Điều 3 Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật hình sự năm 2015 về án treo. Bị cáo có ông bà ngoại là ông Huỳnh V và bà Trần Thị Ngh là người có công với cách mạng được tặng thưởng Huân, Huy chương nhưng Tòa án cấp sơ thẩm chưa áp dụng, vì vậy cần áp dụng thêm khoản 2, Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999 đối với bị cáo P và giảm cho bị cáo P một phần hình phạt.

[3.2] Đối với bị cáo Nguyễn Quang T: Bị cáo đã tiếp nhận ý chí của bị cáo P, chuẩn bị các công cụ và chuẩn bị số tiền 27.000.000 đồng để phục vụ cho việc tổ chức đánh bạc nên bị cáo phải chịu trách nhiệm sau bị cáo P. Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo T 01 năm 01 tháng tù là đúng mức, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, đã xem xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cũng như đặc điểm nhân thân của bị cáo. Do tang số đánh bạc không lớn, số tiền bị cáo thu lợi không nhiều, vì vậy cần xem xét giảm nhẹ cho bị cáo T một phần hình phạt.

[3.3] Đối với bị cáo Nguyễn Ph: Sau khi nghe bị cáo P và em của mình là bị cáo T đến đặt vấn đề là dùng nhà của bị cáo Ph làm địa điểm tổ chức cho người khác đánh bạc để nhận tiền xâu (tiền hồ) chia nhau thì bị cáo Ph đồng ý; số tiền bị cáo Ph thu được không nhiều. Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo Ph 01 năm tù là đúng mức tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, đã xem xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cũng như đặc điểm nhân thân của bị cáo. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Ph trình bày là bị cáo bị bệnh xơ gan, đang điều trị ngoại trú; bị cáo có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng nên cần xem xét cho bị cáo Ph được hưởng án treo cũng đủ tác dụng giáo dục, răn đe, phòng ngừa.

[3.4] Đối với bị cáo Phan Ngọc L: Bị cáo đã chuẩn bị số tiền là 7.500.000 đồng để tham gia đánh bạc nên bị cáo phải chịu trách nhiệm đối với hành vi của mình. Tòa án cấp sơ thẩm đã xử phạt bị cáo L 09 tháng tù là đúng mức, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, đã xem xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cũng như đặc điểm nhân thân của bị cáo. Tại cấp phúc thẩm, bị cáo có đơn trình bày hoàn cảnh khó khăn, là lao động chính, đang nuôi con nhỏ có xác nhận của chính quyền địa phương; bị cáo có vai không đáng kể trong vụ án, số tiền bị cáo dùng để đánh bạc không lớn; bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, có nơi cư trú rõ ràng, nên cần xem xét và có thể không buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù mà áp dụng một hình phạt khác nhẹ hơn nhưng vẫn đảm bảo tác dụng giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung.

[3.5] Đối với bị cáo Nguyễn Văn Ch: Bị cáo đã chủ động cắt các bài vị và là người trực tiếp làm cái từ khi bắt đầu cho đến khi bị bắt quả tang, là người thực hiện hành vi tích cực nên bị cáo phải chịu trách nhiệm đối với hành vi của mình. Tòa án cấp sơ thẩm đã xử phạt bị cáo Ch 08 tháng tù là đúng mức. Tuy nhiên cần xem xét cho bị cáo Ch là có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, có nơi cư trú rõ ràng, bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, hiện nay

vợ bị cáo đang mang thai, bị cáo là lao động chính nên cần xem xét và có thể không buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù mà áp dụng một hình phạt khác nhẹ hơn nhưng vẫn đảm bảo tác dụng giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung.

[3.6] Đối với bị cáo Lê C: Bị cáo tham gia đánh bạc với số tiền đứng vị trí thứ 3. Ngày 22/6/2012 bị cáo C bị Tòa án nhân dân huyện P xử phạt 5.000.000đ về tội “Đánh bạc” (Bản án số: 26/2012/HSST) đến nay thuộc trường hợp đương nhiên xóa án tích và quá thời hạn 06 tháng, bị cáo Lê C có thời gian tham gia nghĩa vụ quân sự; hiện nay bị cáo C đang bị rối loạn tâm thần; bị cáo có vai trò thứ yếu trong vụ án, có nơi cư trú rõ ràng nên cần xem xét và có thể không buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù mà áp dụng một hình phạt khác nhẹ hơn nhưng vẫn đảm bảo tác dụng giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung.

[3.7] Đối với bị cáo L Trần Nguyên Đ tham gia đánh bạc với số tiền đứng vị trí sau cùng (200.000 đồng). Ngày 05/9/2007, bị Tòa án nhân dân thành phố Huế xử phạt 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” (Bản án số 133/2007/HSST); đến nay thuộc trường hợp đương nhiên xóa án tích và quá thời hạn 06 tháng; bị cáo có ông ngoại là liệt sĩ, bị cáo có vai trò không đáng kể trong vụ án, có nơi cư trú rõ ràng, nên cần xem xét và có thể không buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù mà áp dụng một hình phạt khác nhẹ hơn nhưng vẫn đảm bảo tác dụng giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

Án phí hình sự phúc thẩm: Các bị cáo không phải chịu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b, khoản 1, Điều 355; điểm c, đ khoản 1, Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

- Chấp nhận một phần kháng cáo của các bị cáo: Phạm Phước P, Nguyễn Quang T, sửa bản án sơ thẩm, giảm hình phạt cho bị cáo P, bị cáo T.

- Chấp nhận một phần kháng cáo của các bị cáo: Nguyễn Ph, Phan Ngọc L; Nguyễn Văn Ch, Lê C và Lương Trần Nguyên Đ, sửa bản án sơ thẩm, chuyển sang hình phạt khác thuộc loại nhẹ hơn.

- Áp dụng khoản 3, Điều 7 Bộ luật hình sự số 100/2015/QH13 ngày 27/11/2015 của Quốc hội; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội cho tất cả các bị cáo.

1. Áp dụng khoản 1, Điều 249 Bộ luật hình sự năm 1999; điểm s, khoản 1, khoản 2, Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, **xử phạt bị cáo Phạm Phước P 01 (một) năm tù** về tội “Tổ chức đánh bạc”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành án, nhưng được trừ thời gian bị cáo đã bị tạm giam từ ngày 27/02/2017 đến ngày 19/4/2017.

2. Áp dụng khoản 1, Điều 249 Bộ luật hình sự năm 1999; điểm s, khoản 1, Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, **xử phạt bị cáo Nguyễn Quang T 01 (một) năm tù** về tội “Tổ chức đánh bạc”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành án, nhưng được trừ thời gian bị cáo đã bị tạm giam từ ngày 27/02/2017 đến ngày 05/5/2017.

3. Áp dụng khoản 1, Điều 249 Bộ luật hình sự năm 1999; điểm s, khoản 1, khoản 2, Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015, **xử phạt bị cáo Nguyễn Ph 01 (một) năm tù nhưng cho hưởng án treo** về tội “Gá bạc”. Thời gian thử thách là 02 năm tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Xử giao bị cáo Nguyễn Ph cho Ủy ban nhân dân phường T, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1, Điều 69 luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

4. Áp dụng khoản 1, Điều 248 Bộ luật hình sự năm 1999; điểm i, s khoản 1, khoản 2, Điều 51, Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015, **xử phạt bị cáo Phan Ngọc L 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo** về tội “Đánh bạc”. Thời gian thử thách là 18 tháng tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Xử giao bị cáo Phan Ngọc L cho Ủy ban nhân dân phường C, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1, Điều 69 luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

5. Áp dụng khoản 1, Điều 248 Bộ luật hình sự năm 1999; điểm i, s khoản 1, khoản 2, Điều 51, Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015, **xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Ch 08 (tám) tháng tù nhưng cho hưởng án treo** về tội “Đánh bạc”. Thời gian thử thách là 16 tháng tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Xử giao bị cáo Nguyễn Văn Ch cho Ủy ban nhân dân thị trấn P, huyện Ph, tỉnh Thừa Thiên Huế giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1, Điều 69 luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

6. Áp dụng khoản 1, Điều 248 Bộ luật hình sự năm 1999; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 36 Bộ luật hình sự năm 2015, **xử phạt bị cáo Lê C 06 (sáu) tháng cải tạo không giam giữ** về tội Đánh bạc nhưng được trừ số ngày bị cáo đã bị tạm giữ, tạm giam (từ ngày 16/02/2017 đến ngày 25/02/2017) là 09 ngày tạm giữ, tạm giam= **27 ngày cải tạo không giam giữ** (01 ngày tạm giữ, tạm giam bằng 03 ngày cải tạo không giam giữ). Thời gian còn lại mà bị cáo C phải chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ là **05 tháng 03 ngày**.

Thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ được tính kể từ ngày cơ quan giám sát, giáo dục bị cáo nhận được quyết định thi hành hình phạt cải tạo không giam giữ và bản sao bản án.

Giao bị cáo Lê C cho Ủy ban nhân dân xã L, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Bị cáo Lê C hiện nay đang bị bệnh, có thu nhập không ổn định nên miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo Lê C.

7. Áp dụng khoản 1, Điều 248 Bộ luật hình sự năm 1999; điểm s, khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 Bộ luật hình sự năm 2015, áp dụng hình phạt tiền là hình phạt chính đối với bị cáo Đ, **xử phạt bị cáo Lương Trần Nguyên Đ, số tiền 10.000.000 đồng (mười triệu đồng)** về tội đánh bạc.

Buộc bị cáo Lương Trần Nguyên Đ phải nộp số tiền phạt nêu trên một lần trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Án phí hình sự phúc thẩm: Các bị cáo không phải chịu.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT I- TAND tối cao;
- TANDCC tại Đà Nẵng;
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- VKSNDTTT-Huế;
- Phòng PV27-CA Tỉnh;
- Sở Tư pháp tỉnh;
- TAND thị xã H;
- VKSND thị xã H;
- Công an thị xã H;
- Trại tạm giam CA tỉnh;
- UBND các xã, phường, thị trấn: C, Lương, P;
- Các bị cáo;
- Chi cục THA thành phố Huế;
- Lưu Hồ sơ, Tòa HS, Tổ HCTP.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Đào Thị Mai Hương